

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

(Thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 30

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến ("Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty mẹ trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đức Giang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trường	Phó chủ tịch
Ông Bùi Văn Tiến	Thành viên
Ông Trần Minh Công	Thành viên
Ông Phan Văn Kiệt	Thành viên

Ban Kiểm Soát

Bà Thạch Thị Phong Huyền	Trưởng ban
Ông Hồ Ngọc Huy	Thành viên
Ông Trần Phước Nhật	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Văn Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Công	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Văn Kiệt	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.



Ban Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2013



Số. 0538 /Deloitte-AUDHC-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến và các công ty con

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (“Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2013 từ trang 3 đến trang 30. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 30 tháng 3 năm 2013
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Bùi Văn Trịnh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1808/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN**DVT: VND**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.381.750.708.730	1.226.819.637.528
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	258.540.139.864	215.863.188.469
1. Tiền	111		239.040.139.864	147.140.338.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	68.722.850.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		208.200.000.000	187.865.776.051
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	208.200.000.000	187.865.776.051
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		377.231.268.112	287.675.182.750
1. Phải thu khách hàng	131		274.967.513.226	230.554.013.533
2. Trả trước cho người bán	132		43.760.569.318	29.669.962.460
3. Các khoản phải thu khác	135	7	59.483.768.227	28.549.990.598
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(980.582.659)	(1.098.783.841)
IV. Hàng tồn kho	140	8	510.401.820.111	497.347.653.964
1. Hàng tồn kho	141		521.965.832.544	510.083.309.821
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.564.012.433)	(12.735.655.857)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.377.480.643	38.067.836.294
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		629.258.553	1.052.127.277
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		26.332.539.765	36.828.086.165
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		78.203.971	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		337.478.354	187.622.852
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		560.534.255.042	516.921.781.468
I. Tài sản cố định	220		282.530.486.525	268.324.740.656
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	238.894.582.950	259.896.594.251
- Nguyên giá	222		645.918.955.687	597.375.920.741
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(407.024.372.737)	(337.479.326.490)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	5.693.870.257	8.228.146.405
- Nguyên giá	228		36.725.893.424	36.725.893.424
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(31.032.023.167)	(28.497.747.019)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		37.942.033.318	200.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		251.463.471.810	219.038.838.744
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	197.359.193.946	163.426.790.827
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	71.655.670.877	75.124.400.432
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	13	(17.551.393.013)	(19.512.352.515)
III. Tài sản dài hạn khác	260		26.540.296.707	29.558.202.068
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	20.262.501.218	24.229.237.716
2. Tài sản thuế TNDN hoãn lại	262		-	421.416.769
3. Tài sản dài hạn khác	268	15	6.277.795.489	4.907.547.583
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.942.284.963.772	1.743.741.418.996

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN**ĐVT: VND**

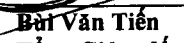
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	31/12/2011
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.349.590.426.775	1.220.442.710.852
I. Nợ ngắn hạn	310		1.314.032.679.452	1.178.580.958.525
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	16	98.847.598.221	107.603.966.536
2. Phải trả người bán	312		548.299.292.108	447.193.175.074
3. Người mua trả tiền trước	313		98.965.653.370	134.852.248.247
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	29.612.594.675	30.069.769.695
5. Phải trả công nhân viên	315		314.888.080.590	269.071.257.018
6. Chi phí phải trả	316		12.477.360.368	5.626.400.285
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	127.372.656.459	117.905.084.634
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		83.569.443.661	66.259.057.036
II. Nợ dài hạn	330		35.557.747.323	41.861.752.327
1. Phải trả dài hạn khác	333		2.764.396.400	2.751.400.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.400.000.000	5.753.034.326
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	28.066.938.375	29.431.260.162
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		2.326.412.548	3.926.057.839
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.711.008.037	482.557.822.786
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	546.711.008.037	482.557.822.786
1. Vốn điều lệ	411		280.000.000.000	280.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		24.469.859.758	24.469.859.758
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		1.693.895.152	1.693.895.152
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		117.117.280.260	82.911.020.755
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		27.004.040.890	19.505.072.481
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		96.425.931.977	73.977.974.640
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	22	45.983.528.960	40.740.885.358
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.942.284.963.772	1.743.741.418.996

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
 Người lập


Nguyễn Trâm Anh
 Kế toán trưởng




Bùi Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.898.304.702.490	3.378.988.607.162
2. Các khoản giảm trừ	02		1.471.790.873	1.040.968.982
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		3.896.832.911.617	3.377.947.638.180
4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		3.381.946.332.227	2.876.465.750.286
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		514.886.579.390	501.481.887.894
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	27.788.139.312	57.599.568.022
7. Chi phí tài chính	22	26	12.016.262.238	55.092.648.671
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.582.537.425	6.252.546.640
8. Chi phí bán hàng	24		193.439.428.704	173.586.260.151
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		198.242.983.898	178.689.646.957
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		138.976.043.862	151.712.900.137
11. Thu nhập khác	31		28.135.618.086	27.324.630.112
12. Chi phí khác	32		4.995.647.365	12.351.752.468
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	27	23.139.970.721	14.972.877.644
14. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	45	11	43.526.904.941	38.847.972.991
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		205.642.919.524	205.533.750.772
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	35.270.809.811	30.491.900.657
17. Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	52		421.416.769	(421.416.769)
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		169.950.692.944	175.463.266.884
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	22	5.999.947.610	9.300.320.610
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62		163.950.745.334	166.162.946.274
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	5.084	6.773

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013

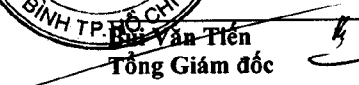


Nguyễn Bích Thủy
Người lập



Nguyễn Trâm Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Tiên
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

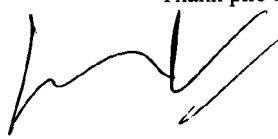
Mẫu B 03-DN**ĐVT: VND**

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	205.642.919.524	205.533.750.772
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	78.578.135.853	62.358.037.832
- Các khoản dự phòng	03	(3.250.804.108)	7.386.256.823
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.448.548.071	644.878.053
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(56.632.816.284)	(74.144.901.268)
- Chi phí lãi vay	06	1.582.537.425	6.252.546.640
3. Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động	08	227.368.520.481	208.030.568.852
- Biến động các khoản phải thu	09	(78.339.938.344)	(99.691.487.592)
- Biến động hàng tồn kho	10	(11.882.522.723)	(137.262.055.544)
- Biến động các khoản phải trả	11	83.149.152.666	284.828.342.889
- Biến động chi phí trả trước	12	4.389.605.222	(10.809.528.480)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(1.856.743.103)	(6.259.742.872)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(42.978.946.424)	(19.798.478.180)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	15.940.138.719	(16.695.150.452)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	195.789.266.493	202.342.468.621
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định	21	(83.126.915.604)	(138.396.401.251)
2. Tiền thu do thanh lý và nhượng bán tài sản cố định	22	412.954.545	15.966.456.106
3. Tiền chi cho vay và đầu tư ngắn hạn	23	(52.554.000.000)	(60.234.480.000)
4. Tiền thu hồi cho vay và đầu tư ngắn hạn	24	52.555.500.000	52.354.845.246
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(37.921.943.949)	(1.721.240.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	-	1.100.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	43.347.768.321	49.996.373.190
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(77.286.636.686)	(80.934.446.709)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phần	31	-	71.600.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	153.579.902.475	365.874.877.076
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(165.689.305.116)	(497.144.610.766)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(64.060.000.000)	(48.300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(76.169.402.641)	(107.969.733.690)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	42.333.227.166	13.438.288.222
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	215.863.188.469	202.295.256.434
Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	343.724.229	129.643.813
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	258.540.139.864	215.863.188.469

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm khoản tiền 70.000.000.000 đồng (31/12/2011: 64.060.000.000 đồng), là số cổ tức đã công bố mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần biến động các khoản phải trả.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
 Người lập


Nguyễn Trâm Anh
 Kế toán trưởng


Bùi Văn Tiến
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh kèm theo từ trang 7 đến trang 30 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN CHUNG**

Tổng Công ty bao gồm Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”), năm công ty con và các công ty liên kết, cụ thể được trình bày như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến (gọi tắt là “Công ty mẹ”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước “Tổng Công ty May Việt Tiến”, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4106000342 ngày 21 tháng 03 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300401524 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 280 tỷ đồng và tập đoàn Dệt May Việt Nam là cổ đông chính của Tổng Công ty.

Công ty mẹ chuyên ngành chủ yếu là sản xuất và kinh doanh may mặc, cụ thể như sau:

- Sản xuất mua bán sản phẩm dệt may các loại.
- Sản xuất, kinh doanh: nguyên phụ liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ ngành dệt may và bao bì, thiết bị điện lạnh dân dụng và công nghiệp.
- Thiết bị điện - âm thanh - ánh sáng.
- Mua bán máy bơm gia dụng và công nghiệp.
- Dịch vụ giặt, in, nhuộm và đào tạo cắt may công nghiệp.
- Đầu tư, xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, cho thuê văn phòng, nhà xưởng, thiết bị, kho bãi.
- Dịch vụ giao nhận, vận chuyển hàng hóa, đại lý tàu biển.

Tổng số nhân viên của Công ty mẹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 6.010 người (31 tháng 12 năm 2011: 5.673 người).

Các công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH May Thuận Tiến (“Thuận Tiến”)	Tỉnh Bình Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh gia công quần áo may sẵn; mua bán thiết bị, máy và phụ tùng ngành may mặc.
Công ty TNHH May Tiến Thuận (“Tiến Thuận”)	Tỉnh Ninh Thuận	82,50	82,50	Sản xuất, kinh doanh gia công quần áo may sẵn; mua bán thiết bị, máy và phụ tùng ngành may mặc.
Công ty TNHH Nam Thiên (“Nam Thiên”)	Tp. Hồ Chí Minh	83,55	83,55	Sản xuất vải sợi; may công nghiệp; mua bán hàng may mặc, bông vải sợi, máy móc thiết bị vật tư ngành dệt, may mặc; và cho thuê máy móc, thiết bị vật tư ngành dệt, may mặc.
Công ty TNHH Việt Tiến Meko (“Việt Tiến Meko”)	Tp. Cần Thơ	51,00	51,00	Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc.
Công ty TNHH May Xuất Khẩu Việt Hồng (“Việt Hồng”)	Tỉnh Bến Tre	66,78	66,78	Sản xuất gia công, kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu và tiêu thụ nội địa.

Các công ty liên kết, liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tên công ty liên kết, liên doanh	Nơi thành lập (hoặc đăng ký) và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty TNHH Liên doanh SX nút nhựa Việt Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Sản xuất, kinh doanh nút nhựa
Công ty Liên doanh sản xuất Mex Việt Phát	Tp. Hồ Chí Minh	30,00	30,00	Sản xuất, kinh doanh Mex- Dựng
Công ty cổ phần may Việt Tân	Tỉnh Tiền Giang	34,98	34,98	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Hưng	Tp. Hồ Chí Minh	32,53	32,53	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần may Việt Thịnh	Tp. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần nguyên vật liệu Dệt may Bình An	Tp. Hồ Chí Minh	20,85	20,85	Sản xuất, kinh doanh nguyên phụ liệu ngành dệt may; gia công in, nhuộm vải; cho thuê kho bãi
Công ty Cổ phần may Công Tiến	Tỉnh Tiền Giang	26,00	26,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần may Vĩnh Tiến	Tỉnh Vĩnh Long	26,00	26,00	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Đồng Tiến	Tỉnh Đồng Nai	26,06	26,06	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần may Tiến Tiến	Tỉnh Tiền Giang	36,77	36,77	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á	Tỉnh Đồng Nai	30,00	30,00	Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, văn phòng
Công ty TNHH Nhấn Thời Gian Việt Tiến	Tỉnh Bình Dương	55,06	49,00	Sản xuất, kinh doanh nhấn các loại
Công ty Cổ phần may Tây Đô	Tỉnh Cần Thơ	45,83	45,83	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Công ty Cổ phần Tổng Hợp Ninh Thuận	Ninh Thuận	34,98	34,98	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may mặc
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tungshing	Tp. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	Kinh doanh máy móc thiết bị, phụ tùng ngành may
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal - Việt Tiến	Tp. Hồ Chí Minh	25,00	25,00	Kinh doanh thiết bị điện
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	Tp. Hồ Chí Minh	40,00	40,00	Dịch vụ giao nhận, xuất nhập khẩu

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 đưa ra hướng dẫn cụ thể về tỷ giá áp dụng đối với việc thanh toán và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Ban Tổng Giám đốc đánh giá Thông tư 179 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty mẹ, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty mẹ vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết, và các khoản ký quỹ, ký cược.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay, chi phí trích trước và các khoản nhận ký quỹ, ký cược.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc hoặc giá trị thuần có thể thực hiện được nếu giá trị thuần thấp hơn giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh (đối với nguyên phụ liệu) và phương pháp bình quân gia quyền đối với thành phẩm. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu của sản phẩm may mặc trên các công đoạn sản xuất. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

2500-
NHÀ
ĐỒNG
THIÊN
LOI
T N
TP.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho tồn đọng, chậm luân chuyển và khi giá trị sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc, thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị quản lý	3 - 6
Tài sản khác	5

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm vi tính. Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích của tài sản cố định vô hình được ước tính từ 2,5 năm đến 20 năm.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí dịch vụ có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư chứng khoán và đầu tư vào các công ty mà tỷ lệ sở hữu dưới 20%. Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến các khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư dài hạn khác được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác được trích lập theo quy định hiện hành.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí xây dựng trên đất thuê và chi phí thuê các cửa hàng, và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 22.261,9 m² đất tại Khu Công nghiệp Dệt may Bình An thuộc Ấp Bình Thắng, Xã Bình An, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương được trả trước cho Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng. Tiền thuê lại đất trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê là 50 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Chi phí trả trước dài hạn còn thể hiện chi phí xây dựng nhà kho trên đất thuê tại Xi nghiệp may Veston Vimiky, Quận Tân Bình và chi phí thuê các cửa hàng. Chi phí xây dựng nhà kho và chi phí thuê các cửa hàng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian còn lại đất thuê là 9 năm và từ 2 đến 5 năm cho mỗi hợp đồng thuê cửa hàng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị sửa chữa, công cụ, dụng cụ đã xuất dùng với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ là doanh thu từ hoạt động gia công, thu nhập từ việc cho thuê máy móc thiết bị, cho thuê nhà, kho được ghi nhận theo quy định của hợp đồng. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ; và
- d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản chi phí trích trước

Các khoản chi phí trích trước được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ

Tổng Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần và theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	2.468.448.490	3.195.432.493
Tiền gửi ngân hàng	236.571.691.374	143.944.905.976
Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	68.722.850.000
	258.540.139.864	215.863.188.469

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi bằng Việt Nam Đồng có kỳ hạn không quá 3 tháng và hưởng lãi suất từ 8% đến 9%/năm.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Đầu tư ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng Đô la Mỹ, có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm và hưởng lãi suất bình quân 0,5%/năm.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á (i)	25.869.278.900	24.538.618.286
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing (ii)	29.818.158.360	-
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS (ii)	520.618.104	-
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal - Việt Tiến (ii)	73.273.089	692.136.000
Các khoản phải thu khác	3.202.439.774	3.319.236.312
	59.483.768.227	28.549.990.598

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải thu khác bao gồm:

- i) Tiền gốc và lãi vay của khoản cho Công ty Cổ phần Việt Tiến Đông Á vay theo hợp đồng 01A/VTEC-VTDA/2011 ngày 12 tháng 8 năm 2011. Khoản cho vay này có thời hạn là 1 năm kể từ ngày giải ngân và với lãi suất là 5,46%/năm và đã được gia hạn thêm thời hạn 1 năm trong năm 2012
- ii) Khoản chi hộ cho Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến – Tungshing, Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal -Việt Tiến và Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS.

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	58.656.597.446	44.206.740.540
Nguyên liệu, vật liệu	95.332.972.462	120.690.631.744
Công cụ, dụng cụ	430.948.073	403.451.212
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	149.059.839.898	128.005.951.444
Thành phẩm	173.235.080.844	155.293.816.786
Hàng hoá	9.554.122.570	5.178.912.550
Hàng gửi đi bán	35.696.271.251	56.303.805.545
	521.965.832.544	510.083.309.821
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(11.564.012.433)	(12.735.655.857)
	510.401.820.111	497.347.653.964

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2012	203.979.060.993	361.349.256.127	20.974.345.744	10.890.399.486	182.858.391	597.375.920.741
Mua trong năm	2.474.718.794	49.934.464.713	1.840.491.364	998.263.617	251.328.971	55.499.267.459
Thanh lý, nhượng bán	(5.195.648.647)	(702.515.524)	(238.840.978)	(819.227.364)	-	(6.956.232.513)
Phân loại lại	-	-	(469.206.000)	469.206.000	-	-
Tại ngày 31/12/2012	201.258.131.140	410.581.205.316	22.106.790.130	11.538.641.739	434.187.362	645.918.955.687
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2012	81.553.099.854	237.997.217.411	9.762.004.601	8.005.711.092	161.293.532	337.479.326.490
Trích khấu hao trong năm	17.135.100.134	54.120.578.057	2.882.483.453	1.857.646.685	48.051.376	76.043.859.705
Thanh lý, nhượng bán	(4.911.960.649)	(700.212.668)	(238.840.978)	(647.799.163)	-	(6.498.813.458)
Tại ngày 31/12/2012	93.776.239.339	291.417.582.800	12.405.647.076	9.215.558.614	209.344.908	407.024.372.737
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2012	107.481.891.801	119.163.622.516	9.701.143.054	2.323.083.125	224.842.454	238.894.582.950
Tại ngày 31/12/2011	122.425.961.139	123.352.038.716	11.212.341.143	2.884.688.394	21.564.859	259.896.594.251

Tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 237.849.794.988 đồng (năm 2011: 211.785.951.630 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Như đã thuyết minh ở thuyết minh số 19, Công ty TNHH may Thuận Tiến đã thế chấp nhà xưởng và thiết bị với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 15.282.289.838 đồng để đảm bảo cho khoản tiền vay dài hạn ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm vi tính VND</u>	<u>Lợi thế kinh doanh VND</u>	<u>Quyền sử dụng đất VND</u>	<u>Tổng VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2012 và 31/12/2012	<u>2.013.950.685</u>	<u>20.522.237.658</u>	<u>14.189.705.081</u>	<u>36.725.893.424</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2012	<u>1.965.791.664</u>	<u>20.522.237.658</u>	<u>6.009.717.697</u>	<u>28.497.747.019</u>
Khấu hao trong năm	<u>31.033.644</u>	<u>-</u>	<u>2.503.242.504</u>	<u>2.534.276.148</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>1.996.825.308</u>	<u>20.522.237.658</u>	<u>8.512.960.201</u>	<u>31.032.023.167</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2012	<u>17.125.377</u>	<u>-</u>	<u>5.676.744.880</u>	<u>5.693.870.257</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>48.159.021</u>	<u>-</u>	<u>8.179.987.384</u>	<u>8.228.146.405</u>

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm một số tài sản cố định với nguyên giá là 2.373.233.785 đồng (năm 2011: 1.873.233.785 đồng) đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

Lợi thế kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận khi Công ty mẹ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp 29 tháng 06 năm 2007. Lợi thế kinh doanh được xác định trên cơ sở giá trị phần vốn Nhà nước tại Công ty mẹ và chênh lệch giữa tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn Nhà nước bình quân trong 3 năm trước khi cổ phần hóa và lãi suất trái phiếu chính phủ trả trước kỳ hạn 10 năm tại thời điểm gần nhất. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị lợi thế thương mại đã khấu hao hết.

Ngày 18 tháng 05 năm 2010, Công ty mẹ ghi nhận giá trị quyền sử dụng đất tại Ấp Mỹ Hòa, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 11.958.381.600 đồng theo chứng thư thẩm định giá của Công ty thẩm định giá độc lập. Công ty mẹ nhận bàn giao khu đất từ Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	<u>31/12/2012 VND</u>	<u>31/12/2011 VND</u>
Giá gốc khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	122.599.536.594	101.543.087.039
Phần lợi ích của Tổng Công ty trong lợi nhuận của công ty liên kết, liên doanh phát sinh sau ngày đầu tư trừ đi cổ tức đã nhận	<u>74.759.657.352</u>	<u>61.883.703.788</u>
	<u>197.359.193.946</u>	<u>163.426.790.827</u>

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

	<u>31/12/2012 VND</u>	<u>31/12/2011 VND</u>
Tổng tài sản	1.755.774.139.227	1.632.397.436.353
Tổng nợ phải trả	1.110.544.159.585	1.008.434.835.846
Tài sản thuần	<u>645.229.979.642</u>	<u>623.962.600.507</u>
Phần lợi ích của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết, liên doanh	<u>197.359.193.946</u>	<u>163.426.790.827</u>
	<u>2012 VND</u>	<u>2011 VND</u>
Lợi nhuận thuần	178.069.391.140	191.887.964.538
Phần lợi ích của Tổng Công ty trong lợi nhuận thuần của công ty liên kết, liên doanh	<u>43.526.904.941</u>	<u>38.847.972.991</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***12. ĐẦU TƯ TÀI DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Đông Á	15.061.750.000	13.843.580.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	22.146.820.000	22.146.820.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex	15.150.000.000	15.150.000.000
Công ty Cổ phần Dệt may 29/3	-	5.620.000.000
Công ty Cổ phần Tổng hợp Ninh Thuận	252.300.877	5.319.200.432
Công ty Cổ phần VDA Đà Nẵng	280.000.000	280.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dệt May Việt Nam	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty Cổ phần Cơ Thù Đức	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Đầu tư và Phát triển Bình Thắng	5.764.800.000	5.764.800.000
Công ty Cổ phần Chỉ may Phong Việt	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Vinatex	5.000.000.000	-
	71.655.670.877	75.124.400.432

13. DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán niêm yết	17.551.393.013	19.354.873.104
Dự phòng đầu tư dài hạn khác	-	157.479.411
	17.551.393.013	19.512.352.515

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Từ 01/01/2012 đến 31/12/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011 VND
Số đầu năm	24.229.237.716	14.401.136.513
Phát sinh tăng	4.617.545.868	13.893.263.199
Kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh	(8.584.282.366)	(4.065.161.996)
Số dư cuối năm	20.262.501.218	24.229.237.716

15. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác thể hiện các khoản tiền ký quỹ thuê mặt bằng, cửa hàng, kho với thời hạn thuê trên 1 năm. Các khoản ký quỹ này sẽ được thu hồi khi hợp đồng thuê hết thời hạn và được thanh lý.

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay ngắn hạn	95.647.598.221	104.403.966.536
Vay ngắn hạn từ ngân hàng thương mại	31.660.266.120	40.789.969.409
Vay ngắn hạn khác	63.987.332.101	63.613.997.127
Vay dài hạn đến hạn trả	3.200.000.000	3.200.000.000
	98.847.598.221	107.603.966.536

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại trong nước cho mục đích thanh toán các chi phí vốn lưu động phục vụ cho sản xuất kinh doanh trong nước và thanh toán tiền hàng nhập khẩu. Các khoản vay này được thực hiện bằng đồng Việt Nam và đô la Mỹ với tổng hạn mức là 300 tỷ đồng và 8.000.000 đô la Mỹ. Các khoản

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

vay này không có bảo đảm và thời hạn cho vay được tính theo giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng. Lãi suất vay và thời hạn trả nợ gốc vay và lãi được quy định cụ thể trong từng giấy nhận nợ.

Các khoản vay khác bao gồm vay Hội cựu chiến binh Tổng Công ty, Kinh phí công đoàn, Quỹ "Vì người nghèo", Quỹ Xã hội Từ thiện, huy động từ cán bộ công nhân viên Tổng Công ty và Quỹ Đảng phí. Các khoản vay này đáo hạn trong vòng 1 năm, không có bảo đảm và không chịu lãi suất hoặc chịu lãi suất bằng lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh theo từng thời điểm. Lãi tiền vay sẽ được gộp vào vốn gốc nếu các bên cho vay không có nhu cầu rút lãi.

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	5.523.637.579	3.957.182.209
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.405.835.662	23.113.972.275
Thuế thu nhập cá nhân	5.588.731.306	2.809.600.056
Thuế khác	3.094.390.128	189.015.155
	29.612.594.675	30.069.769.695

18. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ KHÁC

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả BHXH, BHYT, BHTN	913.784.944	4.541.340.070
Phải trả kinh phí công đoàn	3.078.151.238	2.593.159.989
Phải trả khác về chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	9.511.175.000	9.511.175.000
Phải trả khác – Quyền sử dụng đất tại Hóc Môn	11.958.381.600	11.958.381.600
Cổ tức phải trả	70.000.000.000	64.060.000.000
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	11.409.483.014	-
Phải trả khác	20.501.680.663	25.241.027.975
	127.372.656.459	117.905.084.634

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản phải trả, phải nợ khác bao gồm:

- khoản phải trả cho Ủy Ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh với số tiền 11.958.381.600 đồng là giá trị quyền sử dụng lô đất tại ấp Mỹ Hòa 4, xã Xuân Thới Đông, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh được ghi nhận căn cứ vào chứng thư thẩm định giá của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội đề ngày 18 tháng 05 năm 2010.
- cổ tức phải trả bao gồm cổ tức tạm tính 25% trên mệnh giá cổ phần được phát hành cho các cổ đông hiện hữu.
- khoản dự phòng trợ cấp mất việc làm thuộc giai đoạn trước cổ phần hóa chưa sử dụng hết phải trả cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

112
CHI
CƠ
CH
DEL
VIỆ
1-7

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng Phát triển – Chi nhánh Bình Thuận	5.600.000.000	8.800.000.000
Quỹ tương trợ	-	153.034.326
	<u>5.600.000.000</u>	<u>8.953.034.326</u>
Trừ:		
Vay dài hạn đến hạn trả	(3.200.000.000)	(3.200.000.000)
	<u>2.400.000.000</u>	<u>5.753.034.326</u>

Khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Phát Triển Tỉnh Bình Thuận cho mục đích đầu tư xây dựng nhà xưởng trong giai đoạn 2 để mở rộng sản xuất của Công ty TNHH may Thuận Tiến, một công ty con của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 84 tháng với lãi suất 8,4%/năm. Các khoản vay được đảm bảo từ tài sản hình thành từ vốn vay bao gồm nhà xưởng và thiết bị với giá trị là 15.282.289.838 đồng (Xem Thuyết minh số 9).

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện số dư khoản dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty.

10-Q
HÀN
G T)
EMHU
DIT
NA
HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2011	230.000.000.000	2.869.859.758	3.497.680.052	3.302.468	43.578.183.589	11.811.471.844	95.277.783.402	387.038.281.113
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	166.162.946.274	166.162.946.274
Góp vốn trong năm	50.000.000.000	21.600.000.000	-	-	-	-	71.600.000.000	71.600.000.000
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(3.302.468)	-	-	(112.360.000.000)	(112.360.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	41.748.584.837	7.733.645.935	(80.408.094.317)	(30.925.863.545)
Điều chỉnh trích quỹ theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2011	-	-	-	-	(416.665.984)	(104.166.496)	937.498.464	416.665.984
Phân loại lại	-	-	(1.803.784.900)	-	(2.445.128.409)	-	4.248.913.309	-
Kết chuyển từ lợi ích của cổ đông thiểu số	-	-	-	-	446.046.722	64.121.198	115.378.027	625.545.947
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	3.549.481	3.549.481
Số dư tại ngày 31/12/2011	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	-	82.911.020.755	19.505.072.481	73.977.974.640	482.557.822.786
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	163.950.745.334	163.950.745.334
Tạm ứng cổ tức	-	-	-	-	-	-	(70.000.000.000)	(70.000.000.000)
Trích quỹ trong năm	-	-	-	-	34.206.259.505	7.498.968.409	(71.502.787.997)	(29.797.560.083)
Số dư tại ngày 31/12/2012	280.000.000.000	24.469.859.758	1.693.895.152	-	117.117.280.260	27.004.040.890	96.425.931.977	546.711.008.037

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 4 năm 2012, Tổng Công ty chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2011 với số tiền là 64.060.000.000 tương ứng 25% đối với cổ đông hiện hữu và 3% đối với cổ phần phát hành thêm cho cổ đông chiến lược. Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 4 năm 2012, Hội đồng quản trị Tổng Công ty đề xuất mức cổ tức tạm thời cho năm 2012 là 25% vốn điều lệ của Tổng Công ty tương đương 70.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cổ tức năm 2012 chưa được chi trả và được ghi nhận trong khoản mục phải trả khác trên bảng cân đối kế toán.

Theo Quyết định của Tổng Giám đốc của Công ty mẹ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị các Công ty con, Tổng Công ty quyết định tạm trích các quỹ đầu tư và phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi theo tỷ lệ được qui định. Số liệu này sẽ được quyết định thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Vốn điều lệ**

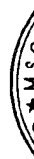
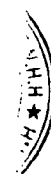
Số lượng cổ phần, tỉ lệ nắm giữ và vốn góp của các cổ đông của Tổng Công ty tại ngày kết thúc niên độ như sau:

	Tại ngày 31/12/2012			Tại ngày 31/12/2011		
	Cổ phần	%	VND	Cổ phần	%	VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam - đại diện vốn Nhà nước	13.405.920	47.88	134.059.200.000	13.405.920	47.88	134.059.200.000
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	3.965.000	14.16	39.650.000.000	3.965.000	14.16	39.650.000.000
Công ty Tungshing Sewing Machine Co., Ltd. (Hong Kong)	2.783.000	9.94	27.830.000.000	2.783.000	9.94	27.830.000.000
Khác	7.846.080	28.02	78.460.800.000	7.846.080	28.02	78.460.800.000
	28.000.000	100.00	280.000.000.000	28.000.000	100.00	280.000.000.000

Cổ phần

	31/12/2012	31/12/2011
Được phép phát hành:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>
Đã được phát hành và góp vốn đủ:		
Số lượng - cổ phần	28.000.000	28.000.000
Mệnh giá - đồng/cổ phần	10.000	10.000
Giá trị - đồng	<u>280.000.000.000</u>	<u>280.000.000.000</u>

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN

22. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

Vốn điều lệ của công ty con

Trong đó:

Vốn góp của Công ty mẹ
Vốn góp của Nam Thiên
Vốn góp của cổ đông thiểu số

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND
	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	39.854.905.240	10.000.000.000
	16.500.000.000	16.500.000.000	6.800.000.000	21.145.165.240	2.500.000.000
	3.500.000.000	-	1.339.000.000	-	5.000.000.000
		3.500.000.000		18.709.740.000	2.500.000.000
	17,50%	17,50%	16,45%	49,00%	33,22%

Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số

Trong đó:

Tỷ lệ lợi ích trực tiếp
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND
	17,50%	17,50%	16,45%	49,00%	25,00%
	0,00%	0,00%	0,00%	0,00%	8,22%

Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND	Tổng cộng VND
Tổng tài sản	68.061.607.113	69.350.118.811	34.516.647.260	50.134.675.673	94.963.442.861	317.026.491.718
Tổng nợ phải trả	35.685.633.401	41.481.727.046	16.299.805.801	7.455.475.043	55.311.680.847	156.234.322.138
Tài sản thuần	32.375.973.712	27.868.391.765	18.216.841.459	42.679.200.630	39.651.762.014	160.792.169.580
<i>Trong đó:</i>						
Vốn điều lệ	20.000.000.000	20.000.000.000	8.139.000.000	39.854.905.240	10.000.000.000	97.993.905.240
Quỹ đầu tư phát triển	8.738.099.185	6.520.766.922	514.896.282	-	4.309.580.532	20.083.342.921
Quỹ dự phòng tài chính	1.164.466.305	455.712.215	1.051.723.387	-	2.151.655.697	4.823.557.604
Lợi nhuận chưa phân phối	2.473.408.222	891.912.628	8.511.221.790	2.824.295.390	23.190.525.785	37.891.363.815
Lợi ích của cổ đông thiểu số	5.665.795.399	4.876.968.559	2.996.804.919	20.093.644.741	12.350.315.342	45.983.528.960
<i>Trong đó:</i>						
Vốn điều lệ	3.500.000.000	3.500.000.000	1.339.000.000	18.709.740.000	2.500.000.000	29.548.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	1.529.167.357	1.141.134.211	84.700.438	-	1.431.642.653	4.186.644.659
Quỹ dự phòng tài chính	203.781.603	79.749.638	173.008.497	-	714.780.023	1.171.319.761
Lợi nhuận chưa phân phối	432.846.439	156.084.710	1.400.095.984	1.383.904.741	7.703.892.666	11.076.824.540

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU B 09-DN

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:

	Thuận Tiến VND	Tiến Thuận VND	Nam Thiên VND	Việt Tiến Meko VND	Việt Hồng VND	Tổng cộng VND
Lợi nhuận sau thuế của công ty con	3.533.440.318	1.274.160.898	3.070.213.613	4.088.545.695	7.977.663.655	19.944.024.179
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	618.352.056	222.978.157	505.050.139	2.003.387.391	2.650.179.867	5.999.947.610
Biến động của lợi ích cổ đông thiểu số trong năm như sau:						
	Vốn điều lệ VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	29.351.661.259	778.180	1.757.912.351	559.985.715	2.369.929.842	34.040.267.347
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.300.320.610	9.300.320.610
Hoàn trả vốn góp	(80.000.000)	-	-	-	-	(80.000.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(778.180)	-	-	-	(778.180)
Trích quỹ trong năm	-	-	2.795.632.490	475.612.615	(5.166.662.642)	(1.895.417.537)
Phân loại lại	277.078.741	-	(295.271.591)	-	18.192.850	-
Kết chuyển sang vốn chủ sở hữu	-	-	(446.046.722)	(64.121.198)	(115.378.027)	(625.545.947)
Tăng khác	-	-	-	-	2.039.065	2.039.065
Số dư tại ngày 31/12/2011	29.548.740.000	-	3.812.226.528	971.477.132	6.408.441.698	40.740.885.358
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	5.999.947.610	5.999.947.610
Trích quỹ trong năm	-	-	374.418.131	199.842.629	(1.331.564.768)	(757.304.008)
Số dư tại ngày 31/12/2012	29.548.740.000	-	4.186.644.659	1.171.319.761	11.076.824.540	45.983.528.960

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***23. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh may mặc và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các hoạt động và các khu vực địa lý này đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lợi.

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.148.648.835.033	1.463.305.532.629
Chi phí nhân công	872.671.592.732	647.591.882.703
Chi phí khấu hao	75.031.114.266	58.692.463.745
Chi phí dịch vụ mua ngoài	529.806.643.461	819.518.853.233
Chi phí khác	178.987.185.639	104.543.183.381
	3.805.145.371.131	3.093.651.915.691

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	9.951.521.163	26.167.863.966
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.198.854.690	2.335.388.100
Lãi do chuyển nhượng vốn	5.780.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.409.215.388	29.019.966.721
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.448.548.071	76.349.235
	27.788.139.312	57.599.568.022

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	1.582.537.425	6.252.546.640
(Hoàn nhập)/trích dự phòng đầu tư tài chính	(1.960.959.502)	2.753.906.821
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	10.996.184.315	45.305.800.655
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	721.227.288
Khác	1.398.500.000	59.167.267
	12.016.262.238	55.092.648.671

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***27. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2012 VND	2011 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	412.954.545	15.966.456.106
Chênh lệch do đánh giá lại tài sản góp vốn	-	197.416.855
Thu nhập từ tài sản dùng cho thuê	5.533.896.358	5.859.329.867
Tiền thu từ bán phế liệu	850.930.096	1.338.129.957
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	16.858.747.251	
Các khoản thu khác	4.479.089.836	3.963.297.327
Thu nhập khác	28.135.618.086	27.324.630.112
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	(283.687.998)	(9.172.779.895)
Khấu hao tài sản dùng cho thuê	(3.546.021.587)	(2.873.510.290)
Các khoản chi khác	(1.165.937.780)	(305.462.283)
Chi phí khác	(4.995.647.365)	(12.351.752.468)
Lợi nhuận từ hoạt động khác	23.139.970.721	14.972.877.644

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2012 VND	2011 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	45.856.836.247	41.199.311.321
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(10.787.592.730)	(10.724.064.710)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	201.566.294	16.654.046
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	35.270.809.811	30.491.900.657

Công ty mẹ, Tiến Thuận, và Nam Thiên chịu mức thuế suất 25%.

Việt Hồng, Thuận Tiến đang trong thời gian được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.

Vào ngày 30 tháng 07 năm 2012, Chính phủ ban hành Nghị định số 60/2012/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết số 29/2012/QH13 ngày 28 tháng 06 năm 2012 của Quốc hội về ban hành một số chính sách thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho tổ chức và cá nhân. Theo đó, Tổng Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm 2012 cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện.	162.502.197.263	166.162.946.274
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	28.000.000	24.534.247
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.804	6.773

30. CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	27.906.194.511	21.894.681.325

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	23.138.833.621	16.237.496.512
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	37.930.396.491	23.098.475.329
Sau năm năm	12.651.637.616	12.453.101.782
	<u>73.720.867.729</u>	<u>51.789.073.623</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê mặt bằng và nhà xưởng của Công ty Dệt may 7 tại số 148 đường số 7, Hoàng Hoa Thám, Phường 13, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh với giá thuê 1.150.000.000 đồng/năm, nhận mặt bằng kể từ ngày 15 tháng 07 năm 2004, thanh toán tiền thuê vào ngày 15 tháng 07 hàng năm. Thời hạn của Hợp đồng là 10 năm, sau 5 năm nếu có thay đổi sẽ bàn bạc, thỏa thuận lại giá thuê nhưng không được vượt quá 15% giá trị cho thuê đã ký kết.

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê các cửa hàng, văn phòng của Tổng Công ty để bán hàng, giới thiệu sản phẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội. Thời hạn và giá thuê được quy định theo từng hợp đồng cụ thể.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.540.139.864	215.863.188.469
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.470.698.794	258.005.220.290
Các khoản đầu tư	208.200.000.000	187.865.776.051
Các khoản ký quỹ, ký cược	6.280.545.489	4.910.297.583
Tổng cộng	<u>806.491.384.147</u>	<u>666.644.482.393</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	101.247.598.221	113.357.000.862
Phải trả người bán và phải trả khác	675.671.948.567	640.480.505.530
Chi phí phải trả	12.477.360.368	5.626.400.285
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	2.764.396.400	2.751.400.000
Tổng cộng	<u>792.161.303.556</u>	<u>762.215.306.677</u>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012	31/12/2011	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	485.721.139.585	379.043.031.644	402.315.982.454	516.613.281.874
Yên Nhật (JPY)	9.927.552.000	11.209.860.800	-	-

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Tổng Công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(4.170.257.857)	6.878.512.512
Yên Nhật Bản (JPY)	(496.377.600)	(560.493.040)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tài sản tài chính hưởng lãi suất cố định của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh 4 và 5 (các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn). Các khoản vay ngắn hạn chịu lãi suất cố định được trình bày tại thuyết minh số 16 và 19. Chính sách của Tổng Công ty là giữ các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và các khoản vay ngắn hạn trong các công cụ hưởng lãi suất cố định.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Mẫu B 09-DN

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	258.540.139.864	-	258.540.139.864
Phải thu khách hàng và phải thu khác	333.470.698.794	-	333.470.698.794
Các khoản đầu tư tài chính	208.200.000.000	-	208.200.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.750.000	6.277.795.489	6.280.545.489
Tổng cộng	800.213.588.658	6.277.795.489	806.491.384.147
31/12/2012			
Các khoản vay	98.847.598.221	2.400.000.000	101.247.598.221
Phải trả người bán và phải trả khác	675.671.948.567	-	675.671.948.567
Chi phí phải trả	12.477.360.368	-	12.477.360.368
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	2.764.396.400	2.764.396.400
Tổng cộng	786.996.907.156	5.164.396.400	792.161.303.556
Chênh lệch thanh khoản thuần	13.216.681.502	1.113.399.089	14.330.080.591

CHÍNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Tổng VND
31/12/2011			
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.863.188.469	-	215.863.188.469
Phải thu khách hàng và phải thu khác	258.005.220.290	-	258.005.220.290
Các khoản đầu tư tài chính	187.865.776.051	-	187.865.776.051
Các khoản ký quỹ, ký cược	2.750.000	4.907.547.583	4.910.297.583
Tổng cộng	661.736.934.810	4.907.547.583	666.644.482.393
31/12/2011			
Các khoản vay	107.603.966.536	5.753.034.326	113.357.000.862
Phải trả người bán và phải trả khác	565.098.259.708	-	565.098.259.708
Chi phí phải trả	5.626.400.285	-	5.626.400.285
Các khoản nhận ký quỹ, ký cược	-	2.751.400.000	2.751.400.000
Tổng cộng	678.328.626.529	8.504.434.326	686.833.060.855
Chênh lệch thanh khoản thuần	(16.591.691.719)	(3.596.886.743)	(20.188.578.462)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Hạn mức tín dụng còn lại có thể sử dụng được trình bày tại Thuyết minh 16 và 19.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Doanh thu		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	1.835.970.705	1.177.328.302
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	2.324.687.288	5.071.287.860
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	3.153.021.464	1.093.132.909
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	3.563.976.646	1.679.099.363
Công ty Cổ phần May Công Tiến	1.630.101.675	4.966.322.320
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	5.082.182.456	1.196.017.476
Công ty cổ phần May Tiên Tiến	3.275.151.165	1.349.846.406
Công ty cổ phần may Tây Đô	45.000.000	294.467.930
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	324.431.763	38.575.000
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	50.000.000	74.239.233
<u>Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh</u>		
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	27.648.000	-
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	985.133.711.881	982.111.095.522
Mua hàng		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	6.020.251.970	6.903.851.600
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	66.725.650.499	59.505.715.914
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	-	573.360.210
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	34.229.074.172	47.449.151.597
Công ty Cổ phần May Công Tiến	121.142.884.708	73.158.864.095
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	112.280.429.273	111.129.763.092
Công ty cổ phần May Tiên Tiến	492.973.864	1.349.846.406

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**Mẫu B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

Công ty cổ phần may Tây Đô	81.118.954.845	71.136.130.035
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	3.754.214.330	3.324.090.045
Công ty Cổ Phần Đồng Tiến	1.663.434.010	136.175.000
Công ty Liên doanh Mex Việt Phát	1.148.144.240	683.729.574

Các công ty theo hợp đồng hợp tác kinh doanh

Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	65.248.343.486	85.541.544.787
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	2.727.505.597	2.311.214.388

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	544.511.854.713	475.255.477.951
---	-----------------	-----------------

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Lương và các khoản phụ cấp	5.127.145.378	4.804.385.526

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND

Phải thu thương mại**Các công ty liên kết, liên doanh**

Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	31.664.418	-
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	4.886.503.015	5.228.433.390
Công ty Cổ Phần Việt Hưng	1.653.843.555	259.248.550
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	212.666.960	1.425.150.006
Công ty Cổ phần May Công Tiến	9.015.319.834	565.833.699
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	51.784.304	149.244.700
Công ty cổ phần May Tiền Tiến	-	1.435.775.759
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	1.646.153.711	-

Cổ đông chiến lược

Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	80.895.471.046	76.002.372.081
---	----------------	----------------

Phải thu khác**Các công ty liên kết, liên doanh**

Công ty Cổ phần Việt Tiến Đồng Á	25.869.278.900	24.538.618.286
Công ty TNHH Nhân Thời Gian Việt Tiến	879.820.000	879.820.000
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	29.818.158.360	-
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Clipsal - Việt Tiến	73.273.089	692.136.000
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hoá XNK MS	520.618.104	594.377.542

Trả trước cho nhà cung cấp**Các công ty liên kết, liên doanh**

Công ty Cổ phần may Công Tiến	25.148.960.399	21.031.000.000
Công ty cổ phần may Việt Tân	3.500.000.000	-

Phải trả thương mại**Các công ty liên kết, liên doanh**

Công ty Liên Doanh Nút Việt Thuận	1.324.257.220	461.466.632
Công ty Cổ Phần May Việt Tân	328.728.097	2.969.787.143
Công ty Cổ Phần Việt Thịnh	6.770.932.244	9.991.146.915
Công ty Cổ phần May Công Tiến	2.111.745.317	2.427.646.772
Công ty Cổ phần May Vĩnh Tiến	11.733.030.374	20.636.561.346
Công ty cổ phần may Tây Đô	395.474.755	7.523.782.604
Công ty TNHH nhân thời gian Việt Tiến	657.538.229	659.376.374



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIẾN

Số 7 Lê Minh Xuân, Phường 7, Quận Tân Bình

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Công ty Liên doanh Mex Việt Phát	1.312.740.506	752.102.530
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	180.914.101.447	61.640.757.929
<u>Ứng trước từ nhà cung cấp</u>		
<u>Cổ đông chiến lược</u>		
Công ty South Island Garment SDN.BHD (Malaysia)	10.046.339.349	7.485.426.919
<u>Phải trả khác</u>		
<u>Các công ty liên kết, liên doanh</u>		
Cửa Hàng Hợp tác kinh doanh Việt Tiến - Tungshing	1.756.386.304	5.454.711.710
Xí Nghiệp Dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK MS	382.915.113	135.927.000

33. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Vào ngày 12 tháng 12 năm 2012, Tổng Công ty được chấp thuận cho việc đăng ký phát hành trái phiếu chuyển đổi ra công chúng bằng Giấy chứng nhận số 055/GCN-UBCK của Ủy Ban Chứng khoán nhà nước. Vào ngày 14 tháng 3 năm 2013, Tổng Công ty thực hiện thành công việc chào bán 1.400.000 trái phiếu chuyển đổi bắt buộc sau 3 năm với mệnh giá là 100.000 đồng/trái phiếu cho các cổ đông hiện hữu. Tỷ lệ chuyển đổi tại ngày đáo hạn là 1:10. Trái phiếu được hưởng lãi suất cố định 5%/năm và nhận lãi tại ngày đáo hạn.

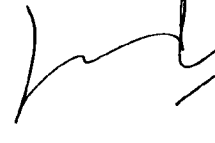
34. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

Chỉ tiêu	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại VND
Bảng cân đối kế toán				
Dự phòng phải trả dài hạn	315	-	29.431.260.162	29.431.260.162
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	319	29.431.260.162	-	(29.431.260.162)
Phải trả người lao động	333	193.689.011.196	269.071.257.018	75.382.245.822
Các khoản phải trả, phải nộp	336	193.287.330.456	117.905.084.634	(75.382.245.822)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2013


Nguyễn Bích Thủy
 Người lập


Nguyễn Trâm Anh
 Kế toán trưởng


Bùi Văn Tiến
 Tổng Giám đốc

